

TỔNG QUAN CÁC HƯỚNG NGHIÊN CỨU VỀ XÃ HỘI DÂN SỰ TẠI VIỆT NAM

• ThS. Phan Thị Thùy Trâm^(*)

Tóm tắt

Hiện nay, nghiên cứu về xã hội dân sự có các khuynh hướng tiếp cận khác nhau: chính trị học, triết học, luật học, xã hội học... Sự đa dạng từ các tiếp cận này đã đem lại cho chủ đề nghiên cứu đa chiều góp phần sâu sắc về lý luận và thực tiễn. Về thực tiễn, nó là cơ sở khoa học vững chắc cho hoạt động xây dựng và đổi mới bộ máy nhà nước hiện đang còn nhiều vấn đề có thể thích ứng với những điều kiện và phương thức sinh hoạt xã hội đã và đang có nhiều biến chuyển lớn. Về lý luận, các thành tựu nghiên cứu này có vai trò quan trọng trong việc giới thiệu, xây dựng và phổ biến các lý thuyết khoa học về xã hội dân sự nhằm góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học phát triển ở Việt Nam.

Từ khoá: xã hội dân sự, tổng quan nghiên cứu, Việt Nam.

1. Tình hình nghiên cứu về xã hội dân sự tại Việt Nam

Xã hội dân sự (XHDS) là vấn đề được đề cập rất khá nhiều trong văn liệu ở nước ngoài. Song, ở Việt Nam vấn đề này mới được quan tâm nghiên cứu chỉ trong khoảng một thập niên trở lại đây. Hiện nay, thuật ngữ “XHDS” có nhiều cách hiểu khác nhau, chưa thống nhất. Đã có ý kiến tranh luận về việc ở Việt Nam có hay không XHDS, hay XHDS chỉ mới xuất hiện gần đây ở Việt Nam. Vì vậy, việc nhìn lại và đánh giá những kết quả nghiên cứu thuộc lĩnh vực XHDS đã được công bố là có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn, góp phần củng cố các thành tựu đổi mới ở nước ta.

Về lịch sử hình thành có thể xem khái niệm XHDS (civil society) được bắt nguồn từ tư tưởng của các nhà triết học Hy Lạp, La Mã thời cổ đại, và trở nên tương đối thịnh hành vào thời Khai sáng (thế kỷ thứ XIX). Từ những năm 1970-1980 nó xuất hiện một cách mạnh mẽ trong quá trình biến đổi dân chủ ở một số nước Châu Âu và sau đó lan rộng sang các lục địa khác. Vì vậy, khái niệm XHDS được hiểu nhiều cách khác nhau trong lịch sử tư tưởng thế giới, cũng như trong đời sống xã hội. Những năm gần đây, khái niệm về XHDS được giới khoa học quan tâm mạnh dạn nghiên cứu, các vấn đề XHDS mới nổi lên ở Việt Nam một cách sâu rộng và cũng là mục tiêu trong đề án “Nghiên cứu khoa học xã hội, tổng kết thực tiễn, xây dựng luận cứ khoa học cho các chủ trương chính sách của Đảng

và Nhà nước” do Thủ tướng Chính phủ xét duyệt và ban hành ngày 24/7/2007 có đưa ra định hướng nghiên cứu quan trọng về XHDS. Đến nay, trong chương trình kỳ họp thứ 10 vào ngày 19/10/2015 một lần nữa được Quốc hội đưa ra thảo luận về việc ban hành các dự án luật về XHDS cho thấy vấn đề nghiên cứu XHDS thật sự cần thiết đối với quy luật phát triển ở Việt Nam.

Từ năm 2007 đến nay, tình hình nghiên cứu XHDS được chú trọng nhiều. Các nội dung nghiên cứu liên quan đến XHDS luôn gắn với khái niệm kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền, dân chủ... Có quan niệm xem XHDS như xã hội công dân: bao gồm tất cả các hoạt động có tính cách tổ chức, vượt lên trên phạm vi cá nhân hoặc gia đình nhưng không nằm trong hệ thống của chính quyền, có lúc được hiểu như là bao gồm tất cả các tổ chức kinh doanh... Hoặc có quan niệm xem XHDS là đối tác bình đẳng của nhà nước chứ không phải phụ thuộc vào nhà nước. Về thực chất là tạo điều kiện để người dân được tham gia vào việc hoạch định, thực hiện chính sách và giám sát nhà nước, thực hiện phản biện xã hội đối với Nhà nước... Trong công trình nghiên cứu “Hướng đến một khái niệm xã hội học về XHDS” của Trần Hữu Quang [6], tác giả đã phân tích các cách hiểu khái niệm về XHDS một cách rõ ràng hơn và dự báo sáu khuynh hướng XHDS đang diễn ra ở nước ta như sau: (1) XHDS là một xã hội có những chuẩn mực tốt và ở trình độ cao cần đạt tới; (2) XHDS được hiểu như là các hiệp hội và các tổ chức xã hội; (3) Xem XHDS như là diễn đàn, trao đổi thông tin mang tính phản biện, giám sát...; (4) Xem XHDS như là đối tác của nhà

^(*) Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

nước, nhờ vậy nhà nước mới phát triển; (5) Xem XHDS là lĩnh vực thứ ba sau nhà nước và gia đình; (6) Xem XHDS có mối liên hệ chặt chẽ giữa nhà nước pháp quyền và kinh tế thị trường.

Do có nhiều cách hiểu về khái niệm như tác giả Trần Hữu Quang đã phân tích, nên việc tìm hiểu những nội hàm cơ bản của XHDS từ khi hình thành và phát triển trong xã hội Việt Nam hiện nay là một vấn đề hết sức cần thiết. Các vấn đề về XHDS được nghiên cứu ở nhiều hướng tiếp cận khác nhau như: triết học, chính trị học, luật học, xã hội học... Các hướng tiếp cận nghiên cứu khoa học này đều có ý nghĩa về mặt lý luận và thực tiễn.

2. Hướng tiếp cận triết học, chính trị học, luật học, kinh tế học

Hướng đầu tiên có thể kể đến các chuyên ngành khoa học quan tâm nghiên cứu về XHDS như triết học, chính trị học, luật học, kinh tế học. Hướng tiếp cận này nhấn mạnh bản chất “công dân” của nó: XHDS bao gồm các tổ chức dân sự - những tổ chức bảo vệ quyền lợi của người dân và đảm bảo sự tham chính của họ, về nhà nước pháp quyền, kinh tế thị trường, luật học... Tiêu biểu có các công trình, bài viết như: “Tìm hiểu về Nhà nước pháp quyền” của Đào Trí Úc chủ biên, năm 1992; “Một số suy nghĩ về vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta” của Nguyễn Duy Quý, năm 1992; “Một số vấn đề về xã hội công dân” của Đỗ Trung Hiếu, năm 2002; “Từ những đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đến việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa hiện nay” của Hoàng Chí Bảo, năm 2002; “Một số vấn đề về nhà nước pháp quyền ở nước ta” của Nguyễn Văn Hiên, năm 2004; “Triết học chính trị của Montesquieu với việc xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam” của Lê Tuấn Huy, năm 2006; “Cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân” của Trần Hậu Thành, năm 2005...

Bài tiêu biểu cho hướng tiếp cận ở phương diện triết học, chính trị học này là công trình nghiên cứu “Xã hội dân sự: Từ kinh điển Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam hiện nay” của Nguyễn Thanh Tuấn [9] đã đưa những cơ sở lý luận trong việc vận dụng nghiên cứu quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin về XHDS, có tác dụng thiết thực đối với việc mô tả hiện trạng các tổ chức xã hội hiện

nay ở Việt Nam, và cũng là xây dựng cơ sở lý luận, nhằm giải đáp những vấn đề thực tiễn xây dựng XHDS hiện nay của nước ta.

Theo tác giả, ở Việt Nam thuật ngữ “XHDS” có xuất xứ từ kinh điển Mác - Lênin. Trong các tác phẩm của K. Marx (1818 - 1883) và F. Engels (1820 - 1895) thuật ngữ được dịch từ tiếng Đức, được hiểu là “XHDS” và có chỗ là “xã hội thị dân”. Quan niệm như vậy có căn nguyên lịch sử từ các nghiên cứu của các nhà triết học chính trị thời Hy Lạp cổ đại, họ đã tiếp cận về XHDS bắt nguồn từ tác phẩm *Chính trị* của Aristotle (384 - 322 Tr.CN), nhưng việc định nghĩa theo khái niệm này được thực hiện lần đầu tiên vào đầu thế kỷ XVIII, khi người ta chú thích cho cuốn sách “Kinh tế chính trị” của ông. Đến năm 1767, nhà triết học Scotland Adam Ferguson (1723 - 1816) lần đầu tiên trực tiếp bàn về chủ đề XHDS trong *Chuyên khảo về lịch sử XHDS*, xuất bản tại Edinburgh. Từ đó có nhiều cách thức tiếp cận về XHDS. Còn K. Marx và nhà triết học Đức thế kỷ thứ XIX là F. Engels, bàn về XHDS trong những tác phẩm thuộc thời kỳ đầu hình thành chủ nghĩa Mác, cụ thể là trong các tác phẩm phê phán chủ nghĩa duy tâm của Hegel và các quan niệm duy tâm của nhà triết học Đức Proudhon đã bàn về nhà nước, pháp luật, sở hữu. Sau này, các ông ít dùng và không sử dụng khái niệm này nữa.

Tác giả còn phân tích và cho rằng khái niệm XHDS được kế thừa từ tư tưởng của K. Marx và F. Engels, V. I. Lenin (1870 - 1924), mặc dù không sử dụng thuật ngữ XHDS và nhà nước pháp quyền. Nhưng V. I. Lenin cũng cho rằng, việc giải phóng nhân loại cuối cùng sẽ thủ tiêu những khác biệt giai cấp, và tiếp đó là bãi bỏ việc phân chia giữa XHDS và nhà nước trong “xã hội loài người, hay loài người xã hội hóa”, để tạo nên sự thống nhất giữa tồn tại pháp nhân và tồn tại tư nhân của con người, nhằm phát triển toàn diện con người thông qua các cộng đồng lao động tự do. Như vậy, XHDS phát triển thì con người trong xã hội mới phát triển toàn diện hơn.

Cái mới của tác giả là đã phân tích các luận điểm của Hồ Chí Minh có liên quan đến vấn đề XHDS. Như các quan điểm của Hồ Chí Minh về “Nước lấy dân làm gốc”, “Nhà nước dân chủ”, “Trăm điều phải lấy thần linh pháp quyền”, “Dân có quyền kiểm soát, giám sát và bãi miễn đại biểu

Quốc hội”, “Đảng gắn bó máu thịt với nhân dân” và là một bộ phận của xã hội, đại đoàn kết toàn dân... phản ánh nội dung cơ bản mối quan hệ giữa nhà nước pháp quyền và XHDS. Tuy nhiên, về nguồn gốc lịch sử hình thành khái niệm tác giả chỉ mới nêu trong một vài tác phẩm của A. Feguson, A. Smith, K. Marx, Engels, Lenin và Hồ Chí Minh chứ chưa đi sâu phân tích các quan điểm và sự hình thành của XHDS.

Ngoài ra, ở hướng nghiên cứu này, bài viết “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhà nước pháp quyền và XHDS nước ta” của Trần Ngọc Hiên [3]. Tác giả phân tích cơ sở kinh tế - xã hội hình thành mối quan hệ giữa kinh tế thị trường với nhà nước pháp quyền và XHDS. Khác với các nền kinh tế trước đó, kinh tế thị trường hình thành từ quá trình xã hội hóa lao động và sản xuất gồm ba đặc trưng: Tính hiệu quả xã hội thể hiện năng suất cao và rút ngắn thời gian lao động là điều kiện cho con người và xã hội phát triển ngày càng đầy đủ về mặt thể chất lẫn tinh thần; phân công lao động xã hội tiến triển theo mỗi bước tiến bộ và cách mạng khoa học kỹ thuật, từ đó nảy sinh những người lao động vì lợi ích của họ mà liên kết, hợp tác lại với nhau, do đó, các tổ chức xã hội, các tổ chức nghề nghiệp ra đời ngày càng tăng; tính chất cạnh tranh để tồn tại đòi hỏi sự điều chỉnh của xã hội, tức là khi kinh tế thị trường phát triển hơn thì các quan hệ lợi ích, quan hệ xã hội, chính trị phức tạp đòi hỏi phải có nhà nước can thiệp. Từ cơ sở đó, tác giả đã phân tích so sánh nền kinh tế nước ta từ trước đổi mới đến khi chuyển sang nền kinh tế thị trường làm thay đổi căn bản về kinh tế, xã hội, chính trị. Vì vậy, xây dựng hệ thống thể chế kinh tế thị trường - nhà nước pháp quyền - XHDS theo định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề tất yếu. Tuy nhiên, cần vận dụng sáng tạo để quản lý xã hội theo luật pháp, thúc đẩy quá trình dân làm chủ và bình đẳng giữa các tổ chức trong XHDS.

Công trình “XHDS Trung Quốc: Cơ sở hình thành và môi trường chính sách” của Phùng Thị Huệ và Phạm Ngọc Thạch [4] cũng gắn liền với hướng nghiên cứu thuộc chính trị học và triết học, cho thấy sự gia tăng và ảnh hưởng của “Cuộc cách mạng hiệp hội toàn cầu” đã ảnh hưởng trực tiếp đến Trung Quốc, XHDS Trung Quốc dần hình thành và có triển vọng trong tương lai. XHDS ở Trung

Quốc đang dần có một vai trò quan trọng trong đời sống xã hội, và cũng là một vấn đề thu hút giới học thuật nước này quan tâm.

Sự hình thành và phát triển của XHDS tại Trung Quốc có những nguyên nhân trực tiếp thay đổi bên trong từ các phương diện kinh tế, chính trị và xã hội của Trung Quốc. Về phương diện kinh tế: cắt giảm vai trò quản lý vi mô, chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường; tính hiệu quả của lao động. Về phương diện chính trị: cải cách thể chế chính trị, pháp lý căn bản để công dân có quyền tự do lập hội, nhà nước giảm dần chức năng kinh tế và xã hội, tăng cường chức năng quản lý hành chính. Về phương diện xã hội: kinh tế thị trường phát triển; quá trình đô thị hóa, cơ cấu xã hội cũng chịu ảnh hưởng. Trên cơ sở đó các tác giả đã phân tích sự xuất hiện các tổ chức XHDS cùng với việc phát triển chính sách không rõ ràng đối với các tổ chức này từ giai đoạn 1978 - 1989, đó là việc nói lỏng cho các hoạt động của các tổ chức công dân, không cơ quan nào chịu trách nhiệm cụ thể với các vấn đề của chúng. Giai đoạn 2, từ năm 1989 đến nay, nhiều quy định pháp luật ban hành hình thành một hệ thống khung pháp lý để điều chỉnh các tổ chức XHDS. Chính sách này có tác dụng tích cực với sự phát triển của các tổ chức XHDS: tạo cơ sở pháp lý cho các tổ chức cá nhân, đặc biệt là các tổ chức có quy mô nhỏ; ngăn chặn các hành vi phi pháp không phù hợp của các tổ chức XHDS; đồng thời cũng tạo ra sự bảo hộ pháp lý nhất định chống lại sự lạm dụng của chính phủ đối với các tổ chức này. Tuy nhiên, sự bất cập của chính sách đối với XHDS là việc đăng ký hoạt động hạn chế ở cơ quan chủ quản là đơn vị đứng ra đỡ đầu và chịu trách nhiệm về tổ chức đó; hệ thống văn bản hành pháp, không phải luật do Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc ban hành. Tóm lại, những thay đổi về kinh tế, xã hội, chính trị và nhu cầu của người dân đã tạo cơ sở cho sự hình thành và phát triển của XHDS Trung Quốc. Tuy nhiên, môi trường chính sách cho XHDS tại Trung Quốc chưa thật sự thuận lợi, mặc dù sự tác động của XHDS tới nhà nước và xã hội vẫn còn tương đối hạn chế. Nhưng rõ ràng vai trò của các tổ chức XHDS trong đời sống chính trị, xã hội của Trung Quốc đang ngày càng gia tăng.

Công trình nghiên cứu “Một số vấn đề lý luận

về XHDS” của Võ Khánh Vinh [10] được xem như là một công trình nghiên cứu về XHDS đáng quan tâm, đầy đủ tính lý luận và thực tiễn về giá trị xã hội, vai trò, tính chất, và đặc điểm của XHDS mang lại ý nghĩa sâu sắc trong việc nghiên cứu XHDS ở Việt Nam hiện nay. Theo tác giả, để nghiên cứu về XHDS cần phải có cách tiếp cận tổng thể, toàn diện, rộng hơn, đầy đủ hơn, phù hợp hơn đến XHDS cần phải nghiên cứu trên ba phương diện: XHDS là một hệ thống các quan hệ xã hội và thiết chế (định chế) xã hội nhiều mức độ không phụ thuộc vào nhà nước và có khả năng hợp tác và tác động đến nhà nước, đến kinh tế thị trường; XHDS là nguồn lực, là lĩnh vực đời sống vật chất, xã hội, văn hóa, tinh thần và chính trị của con người; XHDS là tổng thể, hệ thống các thiết chế xã hội phi nhà nước đa dạng, phong phú ở nhiều mức độ.

Như vậy, có thể hiểu XHDS là một hệ thống các quan hệ và thiết chế xã hội đa dạng, phong phú ở nhiều mức độ có mối liên hệ lẫn nhau không thông qua (không phụ thuộc vào) nhà nước của các cá nhân tự do và có toàn quyền tồn tại và hoạt động trong điều kiện nền kinh tế thị trường và nhà nước pháp quyền [9, tr. 23].

Công trình “Quan hệ giữa nhà nước và XHDS Việt Nam lịch sử và hiện tại” của Lê Văn Quang và Văn Đức Thanh [8], là công trình nghiên cứu sâu về vai trò của XHDS trong đời sống chính trị xã hội từ lịch sử đến hiện tại. Đây là một công trình khá hay trong việc tìm hiểu về lịch sử hình thành XHDS của Việt Nam đã có mầm mống từ thời kỳ dựng nước đến nay. Theo tác giả, mọi sự nghiên cứu về lĩnh vực xã hội không bao giờ tách khỏi dòng chảy của lịch sử. Trên cơ sở phương pháp luận biện chứng duy vật, tác giả xem xét sự vật trong tính lịch sử cụ thể, trong tính hệ thống với cấu trúc nhiều thành tố, và sử dụng các phương pháp phân tích, tổng hợp, đối chiếu. Chính vì vậy, việc lược khảo tiến trình thực hiện các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của các kiểu nhà nước trong lịch sử để có cái nhìn khái quát về các chức năng ấy theo tiêu chí của nhà nước pháp quyền trong mối quan hệ giữa nhà nước với XHDS. Từ những cơ sở lý luận và thực tiễn lịch sử mới có thể khẳng định nguyên tắc thống nhất các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong quan hệ với xã hội ở nước ta.

Đất nước Việt Nam theo dòng chảy của lịch sử từ thời các vua Hùng dựng nước đến sự xuất hiện nhà nước Văn Lang, từ sự hình thành và phát triển của các triều đại phong kiến Đại Việt, đến sự khai sinh nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa và sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân ngày nay là một dòng chảy lịch sử liên tục. Các loại hình nhà nước và XHDS đó không chỉ khác nhau về hình thức mà còn khác nhau về nội dung bản chất, về cấp độ hoàn thiện trong toàn bộ tiến trình phát triển của đời sống xã hội Việt Nam, song đó là tiến trình phát triển của sự kế thừa hợp quy luật. Việt Nam có truyền thống luôn giữ vững và bảo đảm vị trí, vai trò của một Nhà nước mạnh, đồng thời duy trì sự tự quản của làng xã. Ngày nay cần phải phát huy truyền thống này để xây dựng, hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình củng cố nhà nước và hệ thống pháp luật, sự thống nhất các chức năng xã hội - chính trị và xã hội - dân sự của Nhà nước xã hội chủ nghĩa biểu hiện tập trung ở chỗ: xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên cơ sở mở rộng dân chủ, phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động trong mọi phương diện của đời sống xã hội, đặc biệt là dân chủ trực tiếp. Đặc trưng cơ bản của sự điều tiết xã hội bằng pháp luật là tính cưỡng chế cao, đó là phương thức rất quan trọng để giữ vững định hướng chính trị, bảo đảm môi trường chính trị ổn định cho các quan hệ dân sự, góp phần rất quan trọng trong việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân ở nước ta.

Công trình nghiên cứu tiêu biểu cuối cùng chúng tôi chọn giới thiệu trong chủ đề này là “XHDS là gì và không là gì” của Larry Diamond [2]. Đây là một công trình tổng hợp các khái niệm dựa trên các báo cáo hội thảo liên quan đến XHDS các nước trên thế giới, do đó đã cung cấp cho người đọc những thông tin tổng thể hiện nay về khái niệm XHDS và tính chuẩn xác của nó trong việc hiểu khái niệm về XHDS, cùng với các chức năng dân chủ của XHDS gắn liền với nhà nước pháp quyền. Trong phạm vi mối quan hệ với nhà nước, nhằm củng cố dân chủ, XHDS có những chức năng cơ bản như sau: (1) XHDS cung cấp cơ sở cho việc giới hạn quyền lực nhà nước bởi xã hội; (2) Khuyến khích tham gia chính trị;

(3) Tạo điều kiện cho sự hình thành và phát triển sự khoan dung, ôn hòa, nhượng bộ và tôn trọng quan điểm khác biệt; (4) Tạo kênh nhằm tập hợp, biểu đạt và đại diện lợi ích bên ngoài các đảng phái chính trị; (5) XHDS đa nguyên, sinh động làm dịu bớt những xung đột chính trị gay gắt, tạo những “lát cắt” mới ngang qua các lần ranh giai cấp, tôn giáo...; (6) Giám sát bầu cử nhưng mang tính chất phi đảng phái; (7) Lan truyền thông tin nhanh chóng và rộng rãi giúp dân sự nhận biết và theo đuổi các lợi ích; (8) Cải cách kinh tế sâu rộng cần có sự ủng hộ trên cơ sở được thông tin đầy đủ. Với nội dung này, XHDS có tác động tích cực vì nó có chức năng thông tin và phổ biến các tư tưởng cải cách mới; (9) Sự đa dạng của các tổ chức trong XHDS giúp tuyển lựa và đào tạo lãnh tụ chính trị đa tiềm năng; (10) Đây là chức năng xuất phát từ sự thành công của những chức năng trên. Chức năng này nâng cao hiệu quả của nhà nước, tính tích cực của dân sự và tạo sức mạnh tổng hợp để phát triển bền vững.

Đặc biệt, ở công trình này tác giả đã đi sâu phân tích sự phát triển XHDS toàn cầu cũng cần có những chức năng khác như: giáo dục hành vi tập thể; tạo cơ chế phản ánh lợi ích, có tiếng nói; tạo cơ chế tranh luận rộng rãi; nâng cao tính minh bạch của sự quản trị toàn cầu; nâng cao trách nhiệm công; XHDS toàn cầu có thể nâng cao dân chủ trong các quốc gia. Như vậy, vai trò cơ bản của XHDS trong mối quan hệ với nhà nước tập trung trong quá trình thúc đẩy dân chủ hóa.

Bên cạnh những giá trị tác động tích cực như trên, XHDS cũng có những tác động tiêu cực khi những điều kiện cho một XHDS không được thỏa mãn. Ví dụ, khả năng độc lập của XHDS, đặc biệt trong điều kiện mức độ độc lập với nhà nước quá thấp; không có khả năng tự chủ về tài chính; xu hướng cực đoan, bạo lực trong các tổ chức của XHDS; mức độ thể chế hóa thấp và “quá hiếu động”...

Xuất phát từ quan điểm thực tế, bàn về XHDS hiện nay có một vấn đề gây tranh cãi khá nhiều là tính chất mối quan hệ giữa XHDS với nhà nước. Nhiều quan điểm đặt ra rằng XHDS đối lập với nhà nước trong khi có quan điểm cho rằng mối quan hệ giữa XHDS và nhà nước phải mang tính hòa thuận. Thực ra, việc XHDS đối lập hay đồng

thuận với nhà nước tùy theo từng điều kiện kinh tế, lịch sử, văn hóa... nhất định. Ví dụ, trong một xã hội mà ở đó nhà nước bao trùm và khống chế mọi mặt đời sống xã hội, XHDS non trẻ và bị nhà nước kìm hãm, thì chúng ta khó có thể thấy sự hợp tác hòa thuận, bình đẳng ở đây. Ngược lại, trong xã hội khác, nhà nước dân chủ, XHDS lành mạnh, việc đối đầu giữa XHDS và nhà nước là không thể và không cần thiết. Về mặt truyền thông chính trị - pháp lý, một nhà nước vốn có thái độ “ác cảm” với XHDS và XHDS đang hình thành mang truyền thống phản kháng với nhà nước, mối quan hệ bình đẳng, hòa thuận hợp tác khó có thể tồn tại.

3. Hướng tiếp cận xã hội học

Hướng thứ hai chủ yếu chuyên ngành khoa học xã hội học nghiên cứu về các vấn đề thực tiễn của XHDS trong đời sống xã hội. Hướng này XHDS được nhấn mạnh ở bản chất “trung gian” của nó: khu vực trung gian giữa nhà nước và thị trường. Có các công trình tiêu biểu “Vị trí, vai trò các hiệp hội quần chúng ở nước ta” của Nguyễn Khắc Mai, năm 1996; “XHDS: Khái niệm và các vấn đề” của Bùi Quang Dũng, năm 2007; “Vai trò của XHDS trong quản lý môi trường đô thị” của René Parenteau và Nguyễn Quốc Thông, năm 2006; “Tính đặc thù của XHDS các tổ nhóm thuộc hội nông dân Việt Nam” của Chu Dũng; “XHDS đang hình thành một cách tự phát và góp phần xây dựng đất nước từ góc độ xã hội” của Nguyễn Thị Oanh... được phát biểu trong hội nghị đề tài cấp bộ năm 2008. Toàn bộ các công trình ở hướng nghiên cứu này mang tính thực tiễn nhiều hơn và có những luận cứ, số liệu cụ thể từ các kết quả điều tra. Các tác giả đã phân tích đưa ra những phương hướng, giải pháp đổi mới đời sống kinh tế - xã hội một cách phù hợp.

Ở góc độ này công trình “Vai trò của XHDS trong quản lý môi trường đô thị” của René Parenteau và Nguyễn Quốc Thông [7], xuất phát từ lý thuyết được xây dựng theo khái niệm điều hành. Thuật ngữ điều hành chỉ một bối cảnh chính trị xã hội trong đó có mối quan hệ giữa chính quyền và XHDS, theo quan điểm tăng cường năng lực của địa phương để thực hiện phân cấp quản lý. XHDS bao gồm khu vực tư nhân, nhưng trong chiến lược chính trị hiện nay, chủ yếu là các tổ chức cộng đồng ở cơ sở. Bắt nguồn từ lý thuyết trên công trình đã

làm rõ khái niệm XHDS và quá trình phát triển của XHDS ở Việt Nam trong lĩnh vực quản lý môi trường đô thị qua các thời kỳ từ trung đại đến sau năm 1986 nhằm phát huy vai trò của XHDS Việt Nam trong quản lý môi trường đô thị thông qua các hồ sơ môi trường cụ thể, để đánh giá thống nhất và bất đồng giữa các tổ chức cơ sở xã hội của Việt Nam (UBND, mặt trận tổ quốc, tổ chức quần chúng) và các cơ quan mà chúng ta thường gọi là tổ chức phi chính phủ. Các hồ sơ này minh họa cho ba loại hoạt động của XHDS tham gia hoạt động quản lý môi trường đô thị: lập kế hoạch và quản lý môi trường đô thị, cung cấp các dịch vụ môi trường đô thị và quản lý các xung đột trong giải quyết vấn đề môi trường.

Công trình “Các tổ chức xã hội Việt Nam: Một nghiên cứu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh” của Bùi Thế Cường, Nguyễn Quang Vinh[1] đã định nghĩa các tổ chức xã hội là những tổ chức không phải nhà nước và không định hướng vào lợi nhuận hay kinh tế. Các tổ chức xã hội được phân thành 3 nhóm: “Đoàn thể quần chúng”, “Hội nghề nghiệp”, “Tổ chức định hướng lĩnh vực”. Trong quá trình khảo sát so với Hội nghề nghiệp ở Thành phố Hồ Chí Minh thì Hội nghề nghiệp Hà Nội ít chịu sự giám sát và chỉ đạo của cơ quan chủ quản nhưng cơ quan chính quyền thì không ủng hộ một số kế hoạch của họ. Về vấn đề quan hệ các cơ quan chính quyền với các tỉnh lân cận thì các tổ chức xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh chỉ có 5% quan hệ với cấp địa phương, trong khi đó các tổ chức xã hội ở Hà Nội thì có đến 50,4% quan hệ cấp toàn quốc gia. Về vai trò của các công tác xã hội cơ bản ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội xem như là: người phối hợp; người thực hiện; người trung gian; mạng lưới; đối tác; và riêng ở Hà Nội thêm một vai trò nữa là sự cách tân, đổi mới (tìm thêm các biện pháp khác thay thế giải quyết vấn đề)... Một vấn đề nữa là các tổ chức xã hội ở Hà Nội tham gia vào việc xây dựng hình thành và thực hiện các chính sách nhiều hơn Thành phố Hồ Chí Minh. Trong khi đó, các tổ chức xã hội ở Thành phố Hồ Chí Minh chỉ tham gia các tổ chức định hướng lĩnh vực nhỏ trong đời sống xã hội.

Trong quá trình nghiên cứu, các tác giả đã nghiên cứu trường hợp cụ thể các tổ chức xã hội đang diễn ra ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh

cho thấy, dù ở nhóm nào thì nhà nước cũng tạo điều kiện để các nhóm tổ chức xã hội góp phần phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa hiện nay ở Việt Nam. Với quan niệm trên, nhóm tác giả gần như đã vẽ lên được một mảng bức tranh về XHDS thích ứng với những biến đổi xã hội hiện nay ở Việt Nam dù các tác giả không sử dụng trực tiếp khái niệm hoặc tên gọi là tổ chức XHDS.

Công trình nghiên cứu “Khảo lập sự khác biệt: XHDS mới nổi lên tại Việt Nam” do Irene Norlund chủ biên [5] là báo cáo tổng kết hoạt động của một dự án khá lớn nhằm tìm hiểu hiện trạng của XHDS ở Việt Nam, đánh giá các điểm mạnh và yếu của XHDS và đề ra một số lĩnh vực ưu tiên cho chính sách và hành động. Công trình nghiên cứu đánh giá bốn bình diện cấu trúc, môi trường, giá trị và tác động của XHDS nhằm tạo ra một viễn cảnh rộng rãi và rõ ràng về XHDS. Cấu trúc của XHDS gồm các vấn đề về chiều rộng, chiều sâu của sự tham gia của người dân (như số lượng hội viên, mức độ đóng góp và tình nguyện, số lượng và đặc điểm của các tổ chức chủ quản và cơ sở hạ tầng, nguồn tài chính và nhân lực của XHDS); Môi trường kinh tế - xã hội đối với XHDS, môi trường bên ngoài mà trong đó XHDS tồn tại và hoạt động (như khuôn khổ pháp luật, chính trị, văn hóa và kinh tế, mối quan hệ giữa XHDS và nhà nước cũng như khu vực tư nhân); Các giá trị của XHDS, các giá trị được thực hiện và thúc đẩy bên trong diễn đàn XHDS (như tính dân chủ, khoan dung, hoặc bảo vệ môi trường); Tác động của các hoạt động do các thành viên XHDS thực hiện (như tác động chính sách nhà nước, quyền của con người, thỏa mãn các nhu cầu xã hội).

Công trình là một đánh giá ban đầu về XHDS tại Việt Nam, XHDS ở Việt Nam là một khái niệm khá mới mẻ và khái niệm này còn mang tính tiêu cực, có tính chất “nhạy cảm”, không nên và không được bàn luận một cách quá cởi mở. Tuy nhiên, khi Việt Nam thực hiện cải cách kinh tế và bắt đầu tham gia vào quá trình hội nhập, sự hình thành và những ảnh hưởng của XHDS quốc gia và quốc tế đã ngày càng rõ nét hơn. Ví dụ, các tổ chức phi chính phủ (Non-Governmental Organization - NGO) quốc tế hoạt động tại Việt Nam tăng từ 30 tổ chức trong những năm 90; năm 1999 tăng lên thành 400 tổ chức và đến giữa năm 2000 thì tăng đến 540 tổ

chức. Các tổ chức này đã đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững của Việt Nam và có sự hỗ trợ nhất định cho các tổ chức XHDS trong nước. Cho đến nay, XHDS Việt Nam về cơ cấu được đánh giá là khá đa dạng và sự tham gia rất rộng lớn. Tuy nhiên, báo cáo này đánh giá chung: “XHDS tại Việt Nam được coi là ở cấp độ trung bình thấp” và “thấp nhất ở lĩnh vực tác động” tức là những tác động trong đời sống của XHDS ở Việt Nam còn rất thấp. Đây chỉ là những đánh giá ban đầu về XHDS nhưng nó lại là một trong những đánh giá đầu tiên được quan tâm thực hiện ở Việt Nam. Dự án này không chỉ có ý nghĩa nghiên cứu để thúc đẩy hành động thực tiễn mà còn đóng góp vào việc thúc đẩy nghiên cứu lý thuyết về XHDS. Thực nghiệm mô hình đo lường sức sống của XHDS qua một hệ thống chỉ tiêu, có thể so sánh quốc tế. Tuy nhiên, nói một cách khái quát, XHDS Việt Nam phát triển khá mạnh theo chiều rộng, đặc biệt từ khi nước ta tiến hành đổi mới, song về chiều sâu, nhất là việc tham gia vào hoạch định, giám sát việc thực hiện các chính sách còn hạn chế.

4. Kết luận

Qua việc tìm hiểu những công trình nghiên cứu về XHDS ở Việt Nam, chúng tôi nhận thấy tình hình nghiên cứu XHDS ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu nhất định về lý luận, góp phần nâng cao nhận thức chính trị của xã hội và xác lập những cơ sở lý luận cho hoạt động đổi mới Việt Nam nói chung và đổi mới chính trị nói riêng.

Những vấn đề đặt ra từ thực tiễn triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng phản ánh nhận thức lý luận của chúng ta về XHDS còn bất cập, yếu kém. Vì thế, cần tiếp tục nhận thức về khái niệm, đặc điểm, vai trò của XHDS trong mối quan hệ với gia đình, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa...

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bùi Thế Cường, Nguyễn Quang Vinh (2001), *Các tổ chức xã hội Việt Nam: Một nghiên cứu ở Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả ban đầu của một khảo sát xã hội*, Viện Xã hội học, Hà Nội.
- [2]. Larry Diamond (2007), *Xã hội dân sự là gì và không là gì?* (Lâm Yên, Khải Minh dịch từ nguồn: Larry Diamond and Marc F. Plattner (1996), *The Global Resurgence of Democracy*”, Second Edition, *The John Hopkins University Press*).
- [3]. Trần Ngọc Hiên (2008), “Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa với nhà nước pháp quyền và XHDS nước ta”, *Tạp chí Cộng sản*, Số 5 (787), tr. 50-55.

- Nhận thức lại, vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác về XHDS, có chú ý kế thừa tư tưởng truyền thống dân tộc về tự quản và tham khảo quan điểm tiên bộ của nhân loại, về XHDS.

- Nhận thức vận dụng, phát triển sáng tạo kinh nghiệm và không lặp lại bài học thất bại khi xây dựng XHDS của một số nước trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường.

Sự đa dạng cách tiếp cận này đã đem lại cho chủ đề nghiên cứu đa chiều, góp phần làm sâu sắc hơn những nội dung của nó. Kết quả này, theo chúng tôi, có ích lợi trên hai phương diện cả về mặt thực tiễn và mặt lý luận. Về mặt thực tiễn, nó sẽ là cơ sở khoa học vững chắc cho hoạt động xây dựng và đổi mới bộ máy nhà nước hiện đang còn nhiều bất cập của chúng ta để nó có thể thích ứng với những điều kiện và phương thức sinh hoạt xã hội đã và đang có nhiều biến chuyển lớn. Về mặt lý luận, các thành tựu nghiên cứu này có vai trò quan trọng trong việc giới thiệu, xây dựng và phổ biến các lý thuyết khoa học nhằm góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học phát triển ở Việt Nam nói chung.

Mặc dù các công trình nghiên cứu về các vấn đề liên quan đến XHDS của các tác giả Việt Nam đã phân tích rõ lĩnh vực nghiên cứu về XHDS ở nhiều khía cạnh, ở nhiều lĩnh vực khác nhau như triết học, chính trị học, xã hội học, pháp luật, sử học, kinh tế học... nhưng chưa nổi bật do các công trình chủ yếu luận giải hiện trạng, chứ chưa đi sâu vào nội dung nghiên cứu chuyên biệt của XHDS. Vậy, vấn đề này rất cần thiết và rất quan trọng trong việc nghiên cứu XHDS ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Không có XHDS phát triển, chúng ta sẽ khó lòng thực hiện và phát huy dân chủ của người dân trực tiếp và từ dưới lên theo đường hướng dân chủ xã hội chủ nghĩa./.

[4]. Phùng Thị Huệ, Đinh Ngọc Thạch (2007), “XHDS Trung Quốc: Cơ sở hình thành và môi trường chính sách”, *Tạp chí Triết học*, Số 7 (194), tr. 25-36.

[5]. Irene Norlund, Đặng Ngọc Dinh và đồng sự (2007), “Khỏa lấp sự khác biệt: XHDS mới nổi lên tại Việt Nam”, http://www.un.org.vn/vi/publications/doc_details/3-filling-the-gap-the-emerging-civil-society-in-viet-nam.html.

[7]. René Parenteau, Nguyễn Quốc Thông (2006), “Vai trò của xã hội công dân trong quản lý môi trường đô thị”, *Đô thị Việt Nam trong thời kỳ quá độ*, Nguyễn Thị Thiêng (chủ biên), NXB Thế giới, Hà Nội.

[6]. Trần Hữu Quang (2008), “Hướng đến một khái niệm xã hội học về XHDS”, *Tính phổ biến và tính đặc thù của XHDS*, Đề tài nghiên cứu cấp Bộ của Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, Bùi Quang Dũng (chủ nhiệm).

[8]. Lê Văn Quang, Văn Đức Thanh (2003), *Quan hệ giữa Nhà nước và XHDS Việt Nam - Lịch sử và hiện tại*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[9]. Nguyễn Thanh Tuấn (2007), “Xã hội dân sự: Từ kinh điển Mác - Lênin đến thực tiễn Việt Nam hiện nay”, <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2007/451/Xa-hoi-dan-su-Tu-kinh-dien-Mac-Lenin-den-thuc.aspx>

[10]. Võ Khánh Vinh (2008), “Một số vấn đề lý luận về XHDS”, *Khoa học Xã hội*, Số 04 (116), tr. 25-35.

RESEARCH REVIEW OF CIVIL SOCIETY IN VIETNAM

Summary

The present research of civil society takes different approaches: political science, philosophy, jurisprudence, sociology, etc. This approach diversity has resulted in multidimensional research themes, contributing to deepen its theory and practice. Practically, it provides a scientific background for building and renovating the Government, which currently has many issues adaptable to social conditions and action methods on their ways of dramatic changes. Theoretically, research achievements play an important role in addressing, building and disseminating those theories of civil society to somehow improve the development research quality in Vietnam.

Keywords: civil society, research review, Vietnam.

Ngày nhận bài: 3/9/2015; Ngày nhận lại: 11/1/2016; Ngày duyệt đăng: 19/2/2016.